

Số: 22./TTr-CPNT2

Nhơn Trạch, ngày 11 tháng 5 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v: Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Hội đồng quản trị (HĐQT)
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty)

Để chuẩn bị tài liệu phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty kính trình Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ XIII, ban hành theo Quyết định số 19/QĐ-CPNT2 ngày 10/06/2022 của Đại hội đồng Cổ đông.
- Quy trình quản lý công tác Kế hoạch của Công ty ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-CPNT2 ngày 29/10/2018 của HĐQT Công ty.
- Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 ngày 30/12/2024 của HĐQT Công ty về việc tạm giao kế hoạch SXKD năm 2025.
- Báo cáo tài chính năm 2024.
- Công văn số 09/CPNT2-HĐQT ngày 20/01/2024 của HĐQT Công ty về việc chuẩn bị tài liệu phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

II. NỘI DUNG

1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2024

Năm 2024 là năm phải đối mặt với nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD: (i) Qc được phân bổ ngay đầu năm chỉ 1,05 tỷ kWh dẫn đến kết quả SXKD quý I/2024 lỗ 158,2 tỷ đồng; (ii) Không cùng mặt bằng giá khí; (iii) Ảnh hưởng năng lượng tái tạo; (iv) Áp cước phí Phú Mỹ - Nhơn Trạch. Nhận rõ được các vấn đề này, Ban Lãnh đạo Công ty đã tích cực làm việc với các bên liên quan, đặc biệt là điều chỉnh Qc năm 2024 cao vượt 112% so với Qc phê duyệt từ đầu năm (2,23/1,05 tỷ kWh). Điều này thể hiện được sự nỗ lực hết mình của Công ty trong việc điều chỉnh phương thức huy động và sản lượng huy động điện 2024 của Bộ công thương, bên cạnh đó công tác điều hành, xây dựng các phương án chào giá hợp lý, đảm bảo vận hành các tổ máy ổn định linh hoạt phù hợp với



thị trường điện và đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc công tác tiết kiệm chi phí để góp phần hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận năm 2024 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Lợi nhuận trước thuế đạt 138%KH 2024 tương ứng 103,96 tỷ đồng trong bối cảnh sản lượng huy động chỉ là 2.742,21 Tr.kWh, đạt 86%KH 2024. Đây được xem là điểm sáng chứng minh sự đồng lòng vượt qua khó khăn của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV-NLĐ Công ty trong năm 2024, tạo cơ sở vững chắc và đà phát triển mạnh mẽ của Công ty cho các năm tiếp theo.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD. Hoàn thành thanh toán 15% cổ tức năm 2023 với giá trị là 431,81 tỷ đồng.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước năm 2024 là 153,16 tỷ đồng, đạt 104%KH 2024.
- Công tác vận hành, công tác thương mại thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.
- Kiểm soát tốt thực tế so với định mức Kinh tế kỹ thuật được phê duyệt.
- Phối hợp với các bên liên quan đảm bảo đủ nhiên liệu, sẵn sàng huy động các tổ máy theo thị trường điện.
- Thực hiện tốt kết quả tiết kiệm tiết giảm trong năm 2024 với giá trị là 95,9 tỷ đồng.

Trải qua một năm có nhiều biến động và khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD nhưng Công ty đã giữ vững hoạt động ổn định, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành NMD NT2 an toàn, hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận SXKD và đạt được các giải thưởng: (i) Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; (ii) Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam; (iii) Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; (iv) Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin.

(Chi tiết theo phụ lục 1 – Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 đính kèm).

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2024 và nhận định tình hình kinh tế năm 2025 tiếp tục gặp nhiều khó khăn do: (i) Tình hình phân bổ Qc không thuận lợi; (ii) Nguồn khí bị suy giảm; (iii) Chịu cước phân phối PM-NT làm giá khí bình quân tăng cao; (iv) Nguồn năng lượng tái tạo được ưu tiên nên làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; (iv) Rủi ro EVN chậm thanh toán nên PVPower NT2 xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu		Đvt	KH 2025
1	Sản lượng điện	Tổng, bao gồm:	Tr.kWh	3.467
		Khí		3.041
		Dầu		426,26

Stt	Chỉ tiêu		Đvt	KH 2025
2	Khối lượng	Khí	Tr.Sm3	580,86
		Dầu	M3	85.327
3	Tổng Doanh thu		Tỷ đồng	8.211,51
4	Tổng Chi phí		Tỷ đồng	7.901,78
5	LN trước thuế		Tỷ đồng	309,73
5.1	Lợi nhuận sản xuất điện		Tỷ đồng	41,48
5.2	Chênh lệch tỷ giá từ 2019 - 2021		Tỷ đồng	177,44
5.3	Doanh thu từ việc ghi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng thu hồi từ 2019-2024		Tỷ đồng	90,81
6	LN sau thuế		Tỷ đồng	278,76
7	Cổ tức		%	10%

(Chi tiết theo phụ lục 2 – Kế hoạch SXKD năm 2025 đính kèm)

III. KIẾN NGHỊ

Công ty kính trình HĐQT xem xét thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 trình ĐHĐCĐ phê duyệt để Công ty có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo.

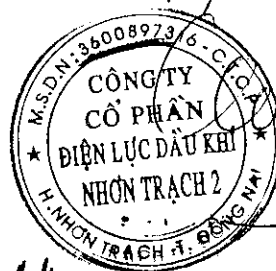
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TBKS;
- Ban GĐ;
- Các Phòng chức năng/PXVH;
- Lưu VT, P.KHTH.

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Báo cáo kết quả SXKD năm 2024;
- Phụ lục 2: Kế hoạch SXKD năm 2025.



KT/GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quyền

PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

Năm 2024 là năm phải đối mặt với nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD: (i) Qc được phân bổ ngay đầu năm chỉ 1,05 tỷ kWh dẫn đến kết quả SXKD quý I/2024 lỗ 158,2 tỷ đồng; (ii) Không cùng mặt bằng giá khí; (iii) Ảnh hưởng năng lượng tái tạo; (iv) Áp cước phí Phú Mỹ - Nhơn Trạch. Nhận rõ được các vấn đề này, Ban Lãnh đạo Công ty đã tích cực làm việc với các bên liên quan, đặc biệt là nâng được Qc năm 2024 cao hơn 112% so với Qc phê duyệt từ đầu năm (2,23/1,05 tỷ kWh) nên mang lại lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch là 38% (103,96/75,60 tỷ đồng). Điều này thể hiện được sự nỗ lực hết mình của Ban lãnh đạo trong việc điều chỉnh phương thức huy động và sản lượng huy động điện 2024 của Bộ công thương, bên cạnh đó công tác điều hành, xây dựng các phương án chào giá hợp lý, đảm bảo vận hành các tổ máy ổn định linh hoạt phù hợp với thị trường điện và đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc công tác tiết kiệm chi phí để hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận SXKD năm 2024 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
1	Sản lượng điện	Tr. kWh	3.200	2.742	86%
2	Tổng doanh thu, thu nhập khác	Tỷ đồng	6.340,44	6.116,83	96%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	6.264,84	6.012,87	96%
4	LN trước thuế	Tỷ đồng	75,6	103,96	138%
5	LN sau thuế	Tỷ đồng	68,04	82,89	122%

1. Đánh giá kết quả thực hiện KH SXKD năm 2024

- Lợi nhuận trước thuế đạt 138% KH 2024 tương ứng 103,96 tỷ đồng trong bối cảnh sản lượng huy động chỉ là 2.742,21 tr.kWh, đạt 86% KH 2024. Đây được xem là điểm sáng chứng minh sự đồng lòng vượt qua khó khăn của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV-NLĐ Công ty trong năm 2024, tạo cơ sở vững chắc và đã phát triển mạnh mẽ của Công ty cho các năm tiếp theo.
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD. Hoàn thành thanh toán 15% cổ tức năm 2023 với giá trị là 431,81 tỷ đồng.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước năm 2024 là 153,16 tỷ đồng, đạt 104% KH 2024.
- Công tác vận hành, công tác thương mại thị trường điện và các công tác khác

được thực hiện tốt mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công ty.

- Kiểm soát tốt thực tế so với định mức Kinh tế kỹ thuật được phê duyệt.
 - Phối hợp với các bên liên quan đảm bảo đủ nhiên liệu, sẵn sàng huy động các tổ máy theo thị trường điện.
 - Thực hiện tốt kết quả tiết kiệm tiết giảm trong năm 2024 với giá trị là 95,9 tỷ đồng.
2. **Các giải thưởng đạt được:** Trải qua một năm có quá nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD nhưng Công ty đã giữ vững hoạt động ổn định, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành NMD NT2 an toàn, hoàn thành tốt chỉ tiêu lợi nhuận SXKD và đạt được các giải thưởng khẳng định vị thế của Công ty như: (i) Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động; (ii) Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam; (iii) Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; (iv) Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THEO TỪNG LĨNH VỰC

1. Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng

- Công tác vận hành ổn định, tin cậy và các tổ máy luôn sẵn sàng khả dụng theo thị trường điện, góp phần hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận năm 2024.
- Kiểm soát tốt các bất thường, thường xuyên kiểm tra các hệ thống, khắc phục kịp thời các tồn tại.

2. Công tác quản lý kế hoạch, thị trường điện, tiết giảm chi phí

- Công tác thị trường điện luôn được bám sát, kịp thời nắm bắt thông tin tình hình hệ thống, nâng được Qc năm 2024 cao vượt 112% so Qc phê duyệt từ đầu năm 2024 (2,23/1,05 tỷ kWh).
- Đánh giá năm 2024 có quá nhiều khó khăn, Công ty thường xuyên tổ chức hội nghị vận hành thị trường điện, hội nghị phân kỳ chi phí để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
- Kết quả tiết kiệm tiết giảm trong năm 2024 với giá trị là 95,9 tỷ đồng góp phần hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận năm 2024.

3. Công tác tài chính kế toán

- Tích cực thu hồi công nợ và đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu SXKD.
- Hoàn thành thanh toán 15% cổ tức năm 2023 với giá trị là 431,81 tỷ đồng.
- Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.
- Công tác tài chính thực hiện tốt đóng góp rất lớn vào kết quả SXKD của Công ty.

4. Công tác thương mại Hợp đồng

- Hợp đồng mua bán điện: Công tác theo dõi, thực hiện hợp đồng được các bên phối hợp thực hiện tốt. Công tác thanh toán và thu hồi tiền bán điện được quan tâm hàng đầu và phối hợp chặt chẽ để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc thanh toán tiền điện của EVN/EPTC còn chậm. Hiện nay đang đôn đốc, phối hợp EVN/EPTC, báo cáo Cấp thẩm quyền về CLTG, cước phí vận chuyển, phân bổ khí, môi trường rừng.
- Hợp đồng mua bán khí: Phối hợp chặt chẽ trong công tác thanh toán, hoàn thiện các hợp đồng sửa đổi đồng bộ với PPA. Công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc. Hiện nay đang tích cực phối hợp PV Gas giải quyết tồn tại việc thanh toán cước phí vận chuyển Phú Mỹ - TP. Hồ Chí Minh.
- Hợp đồng bảo trì sửa chữa:
 - + Hợp đồng bảo trì sửa chữa với Siemens: Công tác theo dõi, thực hiện hợp đồng được các bên phối hợp thực hiện tốt góp phần đảm bảo NMD NT2 vận hành an toàn hiệu quả.
 - + Hợp đồng bảo trì sửa chữa thường xuyên với PVS: Ngày 12/12/2024, thông qua đấu thầu rộng rãi, Công ty đã ký kết hợp đồng số 66/NT2.TM-TTĐ.PVPS/2024/DV với đơn vị PVPS để thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa các bất thường/sự cố các hệ thống thiết bị phần Cơ nhiệt, Điện của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giai đoạn sau 100.000 EOH với tổng giá trị hợp đồng 85,6 tỷ giảm hơn 14% so với giá trị dự toán.
 - + Công tác mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ SXKD: thực hiện đúng theo quy định, quản lý hợp đồng đúng tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm chi phí.

5. Công tác an toàn sức khỏe môi trường và PCCC

- Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường luôn đảm bảo và không để xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác vận hành.
- Tăng cường triển khai công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng ngừa các yếu tố nguy hiểm, có hại và tai nạn lao động tại nơi làm việc.
- Công tác y tế và công tác an toàn vệ sinh lao động luôn được kiểm tra giám sát.
- Hàng tuần thực hiện kiểm tra chéo công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại Công ty và Nhà công vụ 12 tầng; Thứ 6 hàng tuần thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy trong Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2.

6. Công tác tổ chức lao động, khoa học công nghệ

- Lao động cuối kỳ: 168 người.

- Công tác khoa học công nghệ:
 - + Luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật để giảm chi phí SXKD. PVPower NT2 đã tham gia cuộc thi thuộc chương trình ngày hội sáng tạo PV Power năm 2024 và đạt được kết quả như sau:
 - ✓ Ngày 02/01/2025, Công đoàn PV Power đã có Quyết định số 02/QĐ-CD.ĐLDK về khen thưởng tập thể PVPower NT2 có tỷ lệ sáng kiến/tổng số CBCNV cao nhất.
 - ✓ Ngày 08/01/2025, PV Power đã có Quyết định số 31/QĐ-ĐLDK về khen thưởng cho các tập thể và cá nhân tham gia cuộc thi thuộc chương trình ngày hội PV Power năm 2024 trong đó tập thể PVPower NT2 được giải nhì.
 - + Ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên người lao động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần vào sự phát triển cho đơn vị.

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Sự ảnh hưởng của nguồn cung năng lượng tái tạo.
- Quy trình quản lý công tác kế hoạch của Công ty ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-CPNT2 ngày 29/10/2018 của HĐQT Công ty.
- Quyết định 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ công thương về phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025.
- Quyết định số 3049/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ công thương về phê duyệt kế hoạch cấp khí cho sản xuất điện năm 2025.
- Quyết định 3621/QĐ-BCT ngày 27/12/2024 của Bộ công thương về kế hoạch vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh năm 2025.
- Các bất ổn về kinh tế, chính trị thế giới trong giai đoạn vừa qua: xung đột Nga – Ukraina..., thuế đối ứng của Mỹ, làm giảm nhu cầu phụ tải, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả và lạm phát có xu hướng tăng cao.
- Nguồn cung khí được tính theo Hợp đồng, nhiên liệu dự phòng là dầu DO. Việc huy động công suất nhà máy bằng nhiên liệu dự phòng DO bắt buộc theo yêu cầu của hệ thống điện.
- Dự báo tình hình phụ tải, khả năng cung cấp khí và dự báo tình hình kinh tế xã hội năm 2025, tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2024 và nhận định tình hình kinh tế năm 2025 tiếp tục gặp nhiều khó khăn do: (i) Tình hình huy động ngày càng không thuận lợi; (ii) Nguồn khí bị suy giảm; (iii) Chịu cước phân phối PM-NT làm giá khí bình quân tăng cao; (iv) Nguồn năng lượng tái tạo được ưu tiên nên làm giảm tính cạnh tranh và hiệu quả trong thị trường điện; (iv) Rủi ro EVN chậm thanh toán nên PVPower NT2 xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 với các chỉ tiêu chính cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu		Dvt	KH 2025
1	Sản lượng điện	Tổng, bao gồm:	Tr.kWh	3.467
		Khí		3.041
		Dầu		426,26
2	Khối lượng	Khí	Tr.Sm3	580,86
		Dầu	M3	85.327
3	Tổng Doanh thu		Tỷ đồng	8.211,51
4	Tổng Chi phí		Tỷ đồng	7.901,78

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2025
5	LN trước thuế	Tỷ đồng	309,73
5.1	Lợi nhuận sản xuất điện	Tỷ đồng	41,48
5.2	Chênh lệch tỷ giá từ 2019 - 2021	Tỷ đồng	177,44
5.3	Doanh thu từ việc ghi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng thu hồi từ 2019-2024	Tỷ đồng	90,81
6	LN sau thuế	Tỷ đồng	278,76
7	Cổ tức	%	10%

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Đánh giá các khó khăn trong năm 2024 tiếp tục ảnh hưởng đến SXKD năm 2025 theo hướng rủi ro hơn, Công ty đề ra các nhiệm vụ và giải pháp để cùng toàn thể CBCNV nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu KH SXKD năm 2025 như sau:

1. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Cập nhật hệ thống quy trình, quy chế để đảm bảo tuân thủ với các văn bản hiện hành.
- Phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan: Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Công ty TNHH MTV vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO), các đơn vị cung cấp nhiên liệu, đơn vị bảo dưỡng sửa chữa trong công tác vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa NMD Nhơn Trạch 2 an toàn và hiệu quả.
- Tăng cường phối hợp với các bên liên quan để đảm bảo đủ nhiên liệu vận hành theo hướng cân đối giữa sản lượng điện và lợi nhuận SXKD. Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo sẵn sàng phát điện bằng nhiên liệu dầu theo huy động của EVN và NSMO, đặc biệt là trong giai đoạn mùa khô, sự cố khí và ngừng giàn cung cấp khí.
- Tích cực thu hồi tiền điện, thu hồi khoản chênh lệch tỷ giá còn lại của giai đoạn 2019-2021, thu hồi quỹ dịch vụ môi trường rừng từ 2019-2024; Cân đối dòng tiền phục vụ SXKD.
- Xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường kiểm soát và tiết kiệm tối đa các khoản chi phí; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích đảm bảo tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho.
- Thực hiện tốt công tác tiêu tu năm 2025.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật để đảm bảo vận hành an toàn, ổn định các tổ máy. Kiểm soát tốt định mức kinh tế kỹ thuật (KTKT) và danh mục định mức KTKT

phục vụ SXKD để cải thiện hiệu quả SXKD trong bối cảnh giá thị trường điện thấp.

- Hoàn thiện, ký kết để thanh toán đồng bộ các Hợp đồng sửa đổi bổ sung PPA, GSA đảm bảo hiệu quả cho Công ty. Chủ động làm việc với PV Gas để có giải pháp tính toán cước phí vận chuyển khí tuyến Phú Mỹ - Hồ Chí Minh trong giá điện, xác định giá thành phù hợp nhằm nâng cao tính cạnh tranh của Nhà máy.
- Thực hiện công tác quản trị rủi ro; Phối hợp với đơn vị liên quan để thực hiện công tác chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp ERP theo lộ trình và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hóa SXKD đảm bảo triển khai hệ thống ERP thông suốt, hiệu quả.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát huy sáng kiến, nghiên cứu khoa học kỹ thuật để góp phần vào thực tiễn SXKD.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, chuẩn bị các điều kiện tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh và tìm kiếm các hộ tiêu thụ lớn để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Công tác đầu tư phát triển: Nghiên cứu cải thiện hiệu suất nhà máy, nâng cao hiệu quả SXKD, giảm thiểu sự cố, ...
- Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

2. Các giải pháp thực hiện

Phát huy những kết quả đạt được năm 2024, Công ty đề ra các giải pháp để cùng toàn thể CBCNV phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 được giao như sau:

a. Giải pháp quản lý tài chính kế hoạch, vật tư, tiết kiệm chống lãng phí

- Xây dựng KH SXKD hàng tháng phù hợp với phương án vận hành thực tế.
- Tổ chức đánh giá kế hoạch theo tháng/quý để có những cập nhật điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tế SXKD.
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền phục vụ SXKD.
- Quản lý chi phí hiệu quả, tăng cường công tác tiết kiệm, tiết giảm nhằm giảm chi phí sản xuất.
- Quản lý, mua sắm và sử dụng có hiệu quả vật tư thiết bị tồn kho, dự phòng.
- Tăng cường thực hiện tiết kiệm tiết giảm chống lãng phí.

b. Giải pháp kỹ thuật và an toàn

- Thực hiện tốt công tác tiêu tu năm 2025.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát quản lý thiết bị nhà máy.



- Tăng cường rà soát các tồn tại bất thường của hệ thống thiết bị để sớm có biện pháp xử lý.
- Đảm bảo tốt công tác quản lý, vận hành nhà máy, chủ động ngăn ngừa không để xảy ra sự cố chủ quan.
- Luôn quan tâm và đảm bảo công tác an toàn vận hành nhà máy, phòng chống cháy nổ.

c. Giải pháp thương mại-thị trường điện

- Định kỳ tổ chức hội thảo về công tác thị trường điện để tìm giải pháp, chiến lược chào giá tối ưu.
- Phối hợp các bên liên quan để phân bổ sản lượng Qc một cách hợp lý để không ảnh hưởng đến an toàn vận hành và hiệu quả SXKD.
- Tăng cường phối hợp với các bên liên quan để đảm bảo đủ nhiên liệu vận hành theo hướng cân đối giữa sản lượng điện và lợi nhuận SXKD. Chủ động tìm kiếm các nguồn cung cấp khí bổ sung trong bối cảnh nguồn khí trong nước đang suy giảm.
- Tiếp tục làm việc với các bên liên quan để giải quyết các khó khăn, vướng mắc của Hợp đồng GSA, PPA chưa được xử lý.
- Triển khai công tác mua sắm vật tư đáp ứng nhu cầu SXKD và chuẩn bị tốt nhất cho công tác tiêu thụ nhà máy.

IV. KIẾN NGHỊ

- Xem xét điều chỉnh cước phí vận chuyển Phú Mỹ - HCM nhằm tăng tính cạnh tranh, khả năng huy động và được phân bổ Qc cao hơn, đảm bảo tiêu thụ tối đa lượng khí bao tiêu.
- Phân bổ Qc hàng năm hợp lý để đảm bảo hiệu quả sản xuất cho NMĐ NT2 khi vận hành thị trường điện.
- Hỗ trợ thanh toán tiền phí dịch vụ môi trường rừng; khoản giữ lại tiền điện chênh lệch giá cước vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ-TP.Hồ Chí Minh để không ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD hàng năm.
- Xem xét có cơ chế đảm bảo lương, thu nhập ổn định cho CBCNV của Công ty trong tình hình sụt giảm hiệu quả SXKD do những yếu tố khó khăn khách quan.

Trân trọng.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2024

Stt	Các chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ %
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>4=2/1</i>
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG				
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN	Triệu.kWh	3.200,00	2.742,21	86%
-	Sản lượng điện chạy khí	"	3.200,00	2.742,21	86%
II	NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ				
-	Khí	Triệu Sm3	602,19	532,61	88%
III	TỔNG DOANH THU	Triệu.VNĐ	6.340.443	6.116.828	96%
1	Doanh thu sản xuất điện	"	6.073.723	5.943.679	
2	Doanh thu khác, Thu nhập khác	"	-	173.150	
3	Doanh thu và lợi nhuận từ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019 phần còn lại đến năm 2021 theo Hợp đồng mua bán điện	"	177.439		
4	Doanh thu từ việc ghi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng thu hồi từ 2019 đến 2023		89.281		
IV	TỔNG CHI PHÍ	Triệu.VNĐ	6.264.839	6.012.872	96%
1	Chi phí giá vốn	"	6.123.976	5.892.166	
2	Chi phí tài chính	"	49.742	38.658	
3	Chi phí quản lý	"	91.121	81.168	
4	Chi phí khác	"		881	
V	XỬ LÝ TÀI CHÍNH	Triệu.VNĐ			
1	Lợi nhuận trước thuế	"	75.604	103.957	138%
1.1	Lợi nhuận từ HĐ SXKD	"	(191.116)	103.957	
1.2	Doanh thu và lợi nhuận từ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019 phần còn lại đến năm 2021 theo Hợp đồng mua bán điện	"	177.439		
1.3	Doanh thu từ việc ghi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng thu hồi từ 2019 đến 2023		89.281		
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	7.560	18.422	
3	Lợi nhuận sau thuế	"	68.043	82.894	122%
VI	NỢP NGÂN SÁCH	Triệu.VNĐ	146.971	153.160	104%

BẢNG KẾT QUẢ TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2024

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TKTG năm 2024
1	Chi phí biến đổi	Tỷ đồng	60,99
2	Chi phí hoạt động VPP; Đào tạo; Sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc	“	5,45
3	Chi phí ATSKMT	“	1,94
4	Chi phí cổ đông	“	0,30
5	Chi phí tài chính	“	14,05
6	Mua sắm dịch vụ	“	13,18
TỔNG CỘNG		“	95,90

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Stt	Các chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
			Tổng cộng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	C	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6
A	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG							
I	SẢN LƯỢNG ĐIỆN	Triệu.kWh	3.467,50	544,73	1.425,25	458,00	1.039,51	
-	Sản lượng điện chạy khí	"	3.041,23	508,80	1.202,58	380,44	949,41	
-	Sản lượng điện chạy dầu		426,26	35,93	222,67	77,57	90,10	
II	NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ							
-	Khi	Triệu.Sm3	580,86	97,18	229,69	72,66	181,33	
-	Dầu	M3	85,327	7,192	44,573	15,527	18,036	
B	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH							
I	TỔNG TÀI SẢN	Triệu.VND	6.323.995	6.446.954	6.119.624	5.888.862	6.323.995	
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	Triệu.VND	4.429.838	4.058.419	4.191.050	4.020.134	4.429.838	
	Trong đó: - Vốn điều lệ	"	2.878.760	2.878.760	2.878.760	2.878.760	2.878.760	
	- Tỷ lệ tham gia của PV Power	%	59,37	59,37	59,37	59,37	59,37	
III	TỔNG DOANH THU	Triệu.VND	8.211.512	1.192.436	3.348.413	1.099.232	2.571.431	
1	Doanh thu sản xuất điện	"	7.943.260	1.192.436	3.348.413	1.099.232	2.303.179	
2	Doanh thu khác, Thu nhập khác	"	-	-	-	-	-	
3	Doanh thu và lợi nhuận từ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019 phần còn lại đến năm 2021 theo Hợp đồng mua bán điện	"	177.439	-	-	-	177.439	
4	Doanh thu từ việc ghi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng thu hồi từ 2019 đến quý III/2024		90.813	-	-	-	90.813	
IV	TỔNG CHI PHÍ	Triệu.VND	7.901.780	1.313.246	3.183.191	1.270.147	2.135.196	
1	Chi phí giá vốn	"	7.752.525	1.276.532	3.145.278	1.233.434	2.097.282	
2	Chi phí tài chính	"	49.742	11.836	13.036	11.836	13.036	
3	Chi phí quản lý	"	99.512	24.878	24.878	24.878	24.878	
4	Chi phí khác	"	-	-	-	-	-	
V	XỬ LÝ TÀI CHÍNH	Triệu.VND						
1	Lợi nhuận trước thuế	"	309.732	(120.810)	165.222	(170.916)	436.236	
1.1	Lợi nhuận sản xuất điện	"	41.480	(120.810)	165.222	(170.916)	167.983	
1.2	Doanh thu và lợi nhuận từ việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá từ 2019 phần còn lại đến năm 2021 theo Hợp đồng mua bán điện	"	177.439	-	-	-	177.439	
1.2	Doanh thu từ việc ghi nhận tiền dịch vụ môi trường rừng thu hồi từ 2019 đến quý III/2024		90.813	-	-	-	90.813	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	30.973		4.441	-	26.532	
3	Lợi nhuận sau thuế	"	278.759	(120.810)	160.781	(170.916)	409.704	
4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi-thưởng người quản lý	"	28.150					
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	10%					
VI	GIÁ THÀNH SẢN XUẤT	VND/kWh	2.279	2.411	2.233	2.773	2.054	
		Uscent/kWh	9,6971	10,2588	9,5039	11,8011	8,7406	
VII	NỢP NGÂN SÁCH	Triệu.VND	181.317	27.508	60.746	22.435	70.629	
VIII	KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG							
1	Lao động định biên	Người	180					
2	Lao động bình quân	Người	180					
3	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Triệu.VND /người/tháng	3.802					
IX	KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO							
1	Kế hoạch đào tạo	Lượt	127					
2	Kinh phí đào tạo	Triệu.VND	1.085					

Tỷ giá ngoại tệ quy đổi là: 1 USD = 25.000 VND
1 EUR = 27.000 VND

